

Bản án số: 89/2024/ HS-PT
Ngày: 02/05/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H2 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V2ỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Minh Long**

Các thẩm phán:

Ông **Bùi Trọng Danh**

Ông **Phan Vĩnh Chuyển**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh Hà** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện V2ện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Huỳnh Phương Đông** - Kiểm sát Viên.

Ngày 02 tháng 05 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 78/2024/TLPT-HS ngày 28 tháng 03 năm 2024 đối với các bị cáo Lê Phú Nam H và Dương Văn H2 do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân TP Đà Nẵng đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2024/HS-ST ngày 21 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Sơn T thành phố Đà Nẵng.

Các bị cáo bị kháng nghị:

1/ Lê Phú Nam H; tên gọi khác: không; sinh ngày 22/10/1994, tại Đà Nẵng; nơi cư trú: tổ 13 phường Vĩnh T, quận Thanh K, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Phú M và bà Nguyễn Thị Tường V3; gia đình có 3 chị em, bị cáo là con út, chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/5/2023. Có mặt.

2/ Dương Văn H2; tên gọi khác: B; sinh ngày 19/7/1994, tại Đà Nẵng; nơi cư trú: số 23 đường Nguyễn Đức C, tổ 50 phường T P, quận Hải C, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Sỹ H1 và bà Phan Thị Minh L; có vợ tên Nguyễn Thị Hoài N, sinh năm 1995 và có hai con, con lớn nhất sinh năm 2021, con nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/8/2023. Có mặt.

Ngoài ra, trong V2ụ án còn có các bị cáo Trần Vĩnh T và Lê Văn Anh V nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 08 giờ ngày 05/5/2023, Phòng CSĐT tội phạm về Ma Túy – Công an TP Đà Nẵng tiến hành kiểm tra căn hộ số 08 đường Tân P 1, phường Mân T, quận Sơn T, TP Đà Nẵng, tại thời điểm kiểm tra trong căn hộ có các đối tượng Lê Phú Nam H, Trần Vĩnh T, Lê Văn Anh V, Mai Thị Cẩm G, Trần Quang D và Trần Thúy V2. Trong quá trình kiểm tra, các đối tượng khai nhận đang sử dụng trái phép chất ma túy nên lực lượng chức năng đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Lê Phú Nam H Và ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối Với Trần Vĩnh T về hành vi “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Tang vật tạm giữ gồm:

-01 gói ni lông chưa tinh thể rắn màu trắng (đã niêm phong và kí hiệu: A1)

-01 đĩa sứ màu trắng có tinh thể rắn màu trắng dạng bột;

-01 gói ni lông chứa tinh thể rắn màu trắng dạng bột được tách ra từ đĩa sứ (đã niêm phong và ký hiệu: A2)

-01 thẻ ATM mang tên TRAN VINH T và 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng được quấn thành ống có định hai đầu bằng giấy (đã niêm phong và ký hiệu: B).

-01 gói ni lông chứa 03 (ba) Viên nén (đã niêm phong và ký hiệu: A3).

-01 bình khí nén màu xanh (đã hết khí chứa bên trong đã dán kín đầu Van Và ký hiệu: C);

-01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 màu xanh, gắn sim số: 0769736758 (của H dùng để liên hệ mua ma túy Và thuê loa);

-01 loa có dòng chữ harman, 01 đèn có chữ MP7979V210.

-01 căn cước công dân mang công dân mang tên Lê Văn Anh V.

Tại Kết luận giám định số: 386/KL-KTHS ngày 12/5/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an TP Đà Nẵng, kết luận:

Mẫu tinh thể rắn màu trắng Và tinh thể rắn màu trắng dạng bột trong gói niêm phong, kí hiệu A₁, A₂ gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, khối lượng mẫu A₁: 0.023 gam; A₂: 0,003 gam;

Mẫu Viên nén trong gói niêm phong, kí hiệu A₃ gửi giám định là ma túy, loại MDMA; khối lượng A₃: 1,083 gam;

Chất bám dính trên thẻ ATM và tờ tiền mệnh giá 10.000đ trong gói niêm phong, ký hiệu B gửi giám định là ma túy, loại Ketamine.

Qua điều tra xác định:

Khoảng 19 giờ 00 ngày 04/5/2023, H, T, V2, G, V, H2 và Nguyễn Thị Hoài N nhậu tại quán bia tô đường 32, thành phố Đà Nẵng. Sau khi nhậu xong, H rủ cả nhóm đến quán bar New Phương Đ, TP Đà Nẵng để nghe nhạc và sử dụng ma túy thì cả nhóm đồng ý. Khi đến địa điểm trên, H mua 05 viên ma túy thuốc lắc và 05 gam ma túy Ketamine với số tiền 7.750.000 đồng (chưa trả tiền) của một nam thanh niên (chưa rõ lai lịch). Sau khi mua được ma túy, H đem số ma túy đó để trên bàn của cả nhóm, H2 lấy gói ma túy ketamine đổ ra ly cho cả nhóm sử dụng, H lấy 01 viên ma túy thuốc lắc đưa cho V, V bẻ viên ma túy thuốc lắc đó ra làm đôi, V sử dụng $\frac{1}{2}$ viên, còn $\frac{1}{2}$ viên V đưa cho G sử dụng. Sau khi sử dụng hết số ma túy trên thì H2 nói với H số ma túy trên không đủ, H nói H2 mua thêm ma túy để tiếp tục sử dụng và rủ cả nhóm đến khách sạn S, TP Đà Nẵng thuê phòng để sử dụng ma túy. Sau đó, H gọi xe taxi chở T, V2, H; anh V điều khiển xe mô tô chở G, H2 điều khiển xe mô tô chở N đến khách sạn S. Tuy nhiên, khi đến khách sạn S thì không có phòng nên H rủ cả nhóm về căn hộ của H đã thuê trước đó tại số 08 Tân P 1, phường Mân T, quận Sơn T, TP Đà Nẵng để tiếp tục sử dụng ma túy thì cả nhóm đồng ý. Tại căn hộ của H, H lên mạng xã hội thuê 01 đèn giá 350.000 đồng và mua 01 bình khí (bóng cười) với giá 700.000 đồng để phục vụ cho việc sử dụng ma túy, đồng thời H rủ thêm D đến căn hộ của H để nhậu, còn H2 liên hệ 01 thanh niên tên H (chưa rõ nhân thân lai lịch) mua thêm 05 Viên ma túy thuốc lắc và 05 gam ma túy Ketamine. Sau khi mua được ma túy, H2 đổ ma túy Ketamine ra đĩa sứ có sẵn trong phòng rồi nói T đưa cho H2 01 thẻ ATM để nghiền và xào ma túy thì T đồng ý và đưa thẻ ATM của Trần Vĩnh T cho H2. H2 xào ma túy, sau đó lấy tờ tiền 10.000 đồng cuốn thành ống hút để cả nhóm sử dụng ma túy. Khi D đến thì H rủ D sử dụng ma túy nhưng D từ chối. T và V có ý định: Sau khi sử dụng ma túy xong sẽ góp phần tiền của mình và vợ là (V2 và G) để trả tiền ma túy cho cả nhóm sử dụng.

Trong lúc cả nhóm đang sử dụng ma túy thì H2 và N rời khỏi căn hộ của H, các đối tượng còn lại tiếp tục sử dụng ma túy đến 08 giờ cùng ngày thì bị lực lượng chức năng phát hiện bắt giữ cùng tang vật.

Qua xét nghiệm về ma túy đối với H, T, G, V, V2 cho kết quả dương tính với ma túy tổng hợp. Bản thân các đối tượng thừa nhận có sử dụng ma túy; còn D, N, H2 cho kết quả âm tính với ma túy.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2024/HS-ST ngày 21/02/2024 của Tòa án nhân dân quận Sơn T, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

- Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm r, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Lê Phú Nam H 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

- Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Dương Văn H2 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Trần Vĩnh T và Lê Văn Anh V, mỗi bị cáo 5 năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”, phần xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo.

- Ngày 14/03/2024, Viện kiểm sát nhân dân TP Đà Nẵng có quyết định kháng nghị số 02/QĐ-V2KS-P7, kháng nghị một phần bản án hình sự sơ thẩm số 15/2024/HS-ST ngày 21/02/2024 của Tòa án nhân dân quận Sơn T, thành phố Đà Nẵng với nội dung đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án, áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 BLHS để sửa một phần bản án sơ thẩm trên theo hướng: Không áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS “người phạm tội tự thú” quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 BLHS đối với các bị cáo Lê Phú Nam H, Dương Văn H2; không áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS, đồng thời tăng mức hình phạt đối với các bị cáo H và bị cáo H2.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo Lê Phú Nam H và Dương Văn H2 thừa nhận hành vi phạm tội và tội danh đúng như bản án sơ thẩm đã kết luận; các bị cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xử là đúng người, đúng tội; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng nghị của viện kiểm sát giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2024/HS-ST ngày 21/02/2024 của Tòa án nhân dân quận Sơn T, thành phố Đà Nẵng đã xét xử 02 bị cáo H và H2 về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự là đúng pháp luật. Tuy nhiên việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS “Người phạm tội tự thú” quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 BLHS đối với 02 bị cáo là không đúng, nên việc áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS để xử phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cho 2 bị cáo của Tòa án cấp sơ thẩm cũng không đúng pháp luật. Do vậy, đề nghị chấp nhận toàn bộ kháng nghị số 02/QĐ-V2KS-P7 ngày 14/3/2024 của viện kiểm sát nhân dân TP Đà Nẵng theo hướng: Sửa một phần bản án sơ thẩm, không áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS “người phạm tội tự thú” quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 BLHS; không áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS đối với các bị cáo Lê Phú Nam

H, Dương Văn H2, đồng thời tăng mức hình phạt đối với các bị cáo H và bị cáo H2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Lê Phú Nam H và Dương Văn H2 đã khai nhận hành vi phạm tội của mình lời khai nhận của các bị cáo là phù hợp với các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, phù hợp với kết luận của bản án sơ thẩm. Do vậy, Tòa án cấp phúc thẩm xác định Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Lê Phú Nam H và Dương Văn H2 cùng các đồng phạm về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, trong đó bị cáo H và bị cáo H2 phạm tội theo điểm a, b khoản 2 Điều 255 BLHS tức là “Phạm tội từ 02 lần trở lên” và “Phạm tội đối với 02 người trở lên”, đồng thời phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật và cần thiết để cải tạo giáo dục các bị cáo, đồng thời để răn đe phòng ngừa chung cho xã hội. Sau khi xét xử sơ thẩm cả 4 bị cáo trong vụ án đều không có đơn kháng cáo, nhưng viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có quyết định kháng nghị về việc áp dụng pháp luật và hình phạt đối với các bị cáo H và bị cáo H2.

[2] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng, HĐXX thấy rằng:

[2.1] Về việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội tự thú” quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 BLHS cho các bị cáo H và H2, HĐXX thấy rằng:

Đối với bị cáo Lê Phú Nam H mặc dù tại Biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang lập lúc 8 giờ ngày 05/5/2023 bị cáo H chưa/không khai nhận về việc đã tổ chức cho mình và các đồng phạm sử dụng trái phép chất ma túy tại bar New Phương Đ; nhưng ngay sau đó tại Biên bản ghi lời khai lập lúc 9 giờ ngày 05/5/2023 và Bản tường trình do bị cáo viết đề ngày 05/5/2023 bị cáo H đã tự khai nhận ra hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của mình cùng những người khác tại bar New Phương Đ; tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai bị cáo chính là người đầu tiên được lấy lời khai, các bị cáo T, V và những người liên quan khác cũng được lấy lời khai đồng thời với bị cáo; tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn T cũng đề nghị áp dụng điểm r khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo, nên khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ là: Người phạm tội tự thú theo quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật; kháng nghị của Viện kiểm sát cho rằng sau khi bị bắt quả tang, thông qua lời khai của các bị cáo Lê Văn Anh V, Trần Vĩnh T và lời khai của các đối tượng có liên quan là Thúy V2, Cẩm G, Hoài N thì hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại bar New Phương Đ của H đã bị phát hiện nên lời khai nhận tội của bị cáo H là tình

tiết thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải chứ không phải là bị cáo tự nguyện khai báo với cơ quan điều tra về hành vi phạm tội của mình trước khi tội phạm bị phát hiện, và cho rằng Biên bản bắt người phạm tội quả tang và Biên bản niêm phong tài liệu đồ vật được lập và kết thúc lúc 9 giờ ngày 05/5/2023 tại căn hộ của bị cáo H kết thúc cũng vào lúc 9 giờ ngày 05/5/2023 cơ quan điều tra lập Biên bản ghi lời khai của bị cáo tại Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy là không phù hợp về thời gian và địa điểm tiến hành hoạt động điều tra, từ đó đề nghị không áp dụng điểm r khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo là không phù hợp với diễn biến của sự việc và các tài liệu điều tra được thu thập hợp pháp có tại hồ sơ vụ án. Do vậy, HĐXX không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát về vấn đề này.

Đối với bị cáo Dương Văn H2, có mặt để cùng tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại cả 02 nơi là bar New Phương Đ và căn hộ của bị cáo H, tuy tại thời điểm bắt quả tang thì bị cáo H2 và vợ đã về trước nên không có mặt tại hiện trường; hành vi đồng phạm của bị cáo H2 đã được các bị cáo khác trong vụ án và các đối tượng có liên quan khai báo cụ thể; mãi đến ngày 28/8/2023 tức là sau hơn 3 tháng bị cáo H2 mới ra trình diện tại Cơ quan công an và khai báo về hành vi phạm tội của mình và các đồng phạm; cơ quan điều tra cũng chỉ lập Biên bản về việc người phạm tội ra đầu thú; tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn T không đề nghị áp dụng điểm r khoản 1 Điều 51 BLHS mà chỉ đề nghị áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS cho bị cáo H2, tuy nhiên khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội tự thú” quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo H2 là không đúng với diễn biến của sự việc và các tài liệu điều tra được thu thập hợp pháp có tại hồ sơ vụ án, trong trường hợp này bị cáo H2 chỉ được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác là người phạm tội đầu thú theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Do vậy, HĐXX chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội tự thú” cho bị cáo H2.

[2.2] Về kháng nghị đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo H và bị cáo H2, HĐXX xét thấy:

Đối với bị cáo Lê Phú Nam H có 2 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 BLHS, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 BLHS nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS để xử phạt bị cáo mức án dưới khung hình phạt bị truy tố, xét xử nhưng trong khung hình phạt liên kề là không trái pháp luật. Mặt khác, xét bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu được xem là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Do vậy, HĐXX xét thấy mức hình phạt 06 năm 06 tháng tù đối với bị cáo là phù hợp, đủ sức để cải tạo giáo dục đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Dương Văn H2 phạm tội với vai trò giúp sức, thực hành nghe theo bị cáo H, có vai trò phạm tội thấp hơn bị cáo H; bản thân bị cáo cũng đã tự nhận thức được hành vi phạm tội của mình nên đã tự nguyện ra đầu thú khai báo về hành vi phạm tội của mình; quá trình tố tụng cũng đã thành khẩn

khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu, đã từng tham gia và hoàn thành nghĩa vụ công an trong 3 năm sau đó được cho xuất ngũ vì không còn biên chế; đặc biệt bị cáo có hoàn cảnh khó khăn có vợ và 02 con nhỏ chưa thành niên sinh năm 2021 và 2022; nên HĐXX xét thấy mức hình phạt 06 năm 06 tháng tù đối với bị cáo là phù hợp, đủ sức để cải tạo giáo dục đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Từ các nhận định trên, HĐXX không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát về việc đề nghị tăng hình phạt đối với cả 02 bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt của bản án sơ thẩm, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội tự thú, đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải...được quy định tại Điều 3 của Bộ luật hình sự, giúp các bị cáo an tâm cải tạo tốt sớm được trở về với gia đình và xã hội.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Về các lễ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận một phần kháng nghị số 02/QĐ-V2KS-P7 ngày 14/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân TP Đà Nẵng về việc áp dụng pháp luật đối với bị cáo Dương Văn H2, sửa một phần bản án sơ thẩm: Không áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS “người phạm tội tự thú” quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Dương Văn H2; không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân TP Đà Nẵng về việc áp dụng pháp luật đối với bị cáo Lê Phú Nam H; không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân TP Đà Nẵng về việc đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo H và H2; giữ nguyên quyết định về hình phạt của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo H và H2.

- Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Lê Phú Nam H 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 05/5/2023.

- Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Dương Văn H2 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 28/8/2023.

2. Về án phí: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTV2QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo Lê Phú Nam H và Dương Văn H2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV2 – CA Tp Đà Nẵng;
- Chi cục THADS quận Sơn T;
- VKSND quận Sơn T;
- CQCSĐT Công an quận Sơn T;
- Tòa án nhân dân quận Sơn T;
- Vụ GDKT I – TAND tối cao;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Long

